

Xã hội học thực nghiệm

Sự phân tầng xã hội theo mức sống
tại thủ đô Hà Nội
trong những năm đầu thực hiện Đổi mới

TRỊNH DUY LUÂN

Quá trình thực hiện công cuộc Đổi mới được khởi xướng từ Đại hội lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam thực sự là một giai đoạn chuyển biến mang tính Cách mạng ở nước ta. Năm năm qua, cho dù chỉ là một thời đoạn ngắn ngủi, Đổi mới đã có những tác động sâu rộng tới toàn bộ các lĩnh vực của đời sống xã hội. Bắt đầu từ lĩnh vực kinh tế, định hướng phát triển một nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, theo cơ chế thị trường đã đem lại những thành quả rất đáng khích lệ. Tuy nhiên, đi kèm với những thành quả này luôn có các hệ quả xã hội - tích cực và tiêu cực. Điều này được biểu hiện khá rõ nét trên diện mạo sống động cũng như những biến đổi xã hội trong lòng các đô thị lớn của đất nước như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh. Cố gắng thử đo lường các tác động ấy trên bình diện mức sống của các tầng lớp dân cư đô thị, một cuộc nghiên cứu đã được tiến hành tại thủ đô Hà Nội tháng 5/1992 trên một mẫu ngẫu nhiên phân tầng với dung lượng 800 hộ gia đình. Bài viết này trình bày một phần kết quả của cuộc nghiên cứu trên với định hướng khảo cứu từ giác độ xã hội học tiến trình thực hiện công cuộc Đổi mới ở nước ta - thành tựu và những vấn đề.

1. Một thành tựu của đổi mới: Sự nâng cao mức sống và các nhân tố tác động.

1.1. Tác động kinh tế - xã hội của Đổi mới được phản ánh trực tiếp, trước hết trong việc làm ổn định và nâng cao mức sống của dân cư. Kết quả khảo sát cho thấy: 3/4 các gia đình nội thành Hà Nội được hỏi ý kiến đã khẳng định mức sống của gia đình họ 5 năm qua "hoặc là ổn định như trước đây" (20%) hoặc là "đã tăng lên 1 phaafn" (34%) hay tăng lên đáng kể" (21%). Đây là những con số nói lên thành quả thực tế của đổi mới, cho dù chỉ là giai đoạn đầu. Cũng có thể xem đó là dấu hiệu đầu tiên của sự phát triển, đi lên của xã hội.

1.2. Những nhân tố nào có tác động tới sự thay đổi mức sống này? Theo xét đoán của các gia đình được khảo sát, có 5 nhân tố quan trọng nhất thường được nêu ra để lý giải cho sự "thăng trầm" của mức sống các gia đình là:

1. Do tác động của các chính sách kinh tế - xã hội của Đổi mới (31,8%)
 2. Do nỗ lực, năng động chủ quan của bản thân và gia đình (35,6%)
 3. Do năng động của ngành, cơ quan, xí nghiệp nơi làm việc (14,6%)
 4. Do sự biến động giá cả không tương xứng với tiền lương và thu nhập (tác động xấu) 15,0%
 5. Do có hoặc được trợ giúp từ các nguồn thu nhập từ nước ngoài hoặc có liên quan với nước ngoài (12,2%)
- Ở đây có 4 điểm đáng lưu ý.

Một là, đã có 1/3 số gia đình trong mẫu đánh giá đúng mức những điều kiện khách quan do Đổi mới đem lại. Bên cạnh đó, họ cũng đã nhận thức và hành động theo phương châm tự thân vận động, năng động, để thích ứng với việc chuyển đổi cơ chế.

Hai là, những khác biệt giữa các ngành kinh tế, nơi mà dân cư làm việc là một nhân tố hiện thực và khá quan trọng quy định mức sống và mức độ phân tầng của các nhóm gia đình.

Ba là, chính sách mở cửa đã tạo cơ hội cho một số không nhỏ các gia đình tự nâng cao mức sống thông qua các nguồn thu nhập từ nước ngoài hoặc có liên quan với nước ngoài.

Sau hết, có tác động tiêu cực tới đời sống của một bộ phận dân cư là sự không tương xứng tiền lương và giá cả. Đưa ra nhân tố tác động này phần đông là các gia đình có mức sống thấp, sống chủ yếu dựa vào tiền lương và các khoản phụ trợ cấp ở các cơ sở quốc doanh. (Tỷ lệ hộ loại này trong mẫu là 17,5%).

1.3. Trên thực tế, các chính sách kinh tế - xã hội của Đổi mới đã tạo ra nhiều vận hội, nhiều cơ may cho các cá nhân và gia đình. Song vào buổi đầu, không phải mọi cá nhân, gia đình đều kịp thời nhận thức ra, cũng như hội đủ các điều kiện để tiếp nhận và khai thác các vận hội, cơ may đó. Một bộ phận dân cư, do có được một số điều kiện khách quan và chủ quan thuận lợi (chẳng hạn, trong mẫu khảo sát đó là nhóm gia đình có học vấn cao, nhóm gia đình làm việc ở cả 2 khu vực quốc doanh và ngoài quốc doanh, nhóm gia đình sản xuất kinh doanh buôn bán ngoài quốc doanh) nên đã có thể ổn định hoặc nâng cao mức sống theo những mức độ khác nhau. Một bộ phận khác (chẳng hạn trong mẫu là các gia đình công nhân, gia đình người về hưu, người giàu không những không đủ điều kiện để khai thác các vận hội, cơ may đó mà trái lại, còn bị những điều kiện mới của sự chuyển đổi cơ chế làm cho hoàn cảnh sống của họ bị sút giảm đi so với trước. Đó là một nguồn gốc tự nhiên cho sự bột phát và gia tăng mức độ phân hóa giàu - nghèo, phân tầng xã hội trong cư dân thành phố.

2. Một hệ quả xã hội: tăng cường sự phân tầng theo mức sống trong buổi đầu chuyển đổi cơ chế.

2.1. *Phân tầng hiện hữu ở mọi xã hội, theo 3 dấu hiệu chủ yếu là tài sản (thu nhập), quyền lực và uy tín.* Không thể nói là dưới thời bao cấp hoàn toàn không có sự phân tầng. Đã có những cơ sở tiềm ẩn (chẳng hạn, quyền lực được sinh ra từ chính cơ chế quan liêu - bao cấp) làm hình thành đây đó những "strata" đặc quyền.

Tuy nhiên, vào thời kỳ ấy, trong quảng đại dân cư, chủ nghĩa bình quân trong phân phối cộng với quan niệm lý tưởng về bình đẳng xã hội đã không tạo điều kiện cho phân tầng xã hội bột phát và trở thành phổ biến.

Với sự chuyển sang cơ chế thị trường, đã có thêm những ngoại lực mạnh mẽ cho sự tăng cường mức độ phân hóa xã hội trong dân cư. Để đo lường mức độ này, trong nghiên cứu chúng tôi đã chọn dấu hiệu thứ nhất của sự phân tầng: tài sản và thu nhập. Tuy nhiên, do khó khăn về cơ sở số liệu cũng như yếu tố tâm lý khi điều tra tài sản và thu nhập, chúng tôi phải sử dụng một dấu hiệu gián tiếp là MỨC SỐNG

Các chỉ báo được sử dụng để đo mức sống là: điều kiện nhà ở, tiện nghi sinh hoạt, thu nhập và chi tiêu hàng tháng. Các thông tin phụ trợ gồm có: đánh giá chủ quan của chủ hộ về mức sống của gia đình và các kết quả quan sát xã hội học về các biểu hiện bên ngoài của mức sống.

2.2. Tháp phân tầng theo mức sống trên mẫu khảo sát.

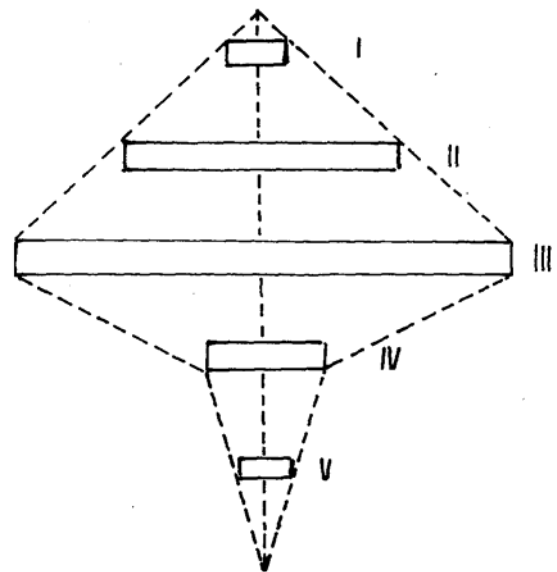
Từ kết quả khảo sát, cho phép xác lập tháp phân tầng theo 5 mức sống với cơ cấu tỷ lệ như sau:

Bảng 1. Tỷ lệ phân tầng theo mức sống của các hộ gia đình

Nhóm mức sống	Các tên gọi của nhóm	Tỷ lệ % trong mẫu khảo sát
I	Nhóm hộ có mức sống cao nhất (Còn gọi là nhóm “khá giả”, giàu có, hay nhóm “đỉnh”)	4,9
II	Nhóm hộ có mức sống trung bình khá (Còn gọi là mức sống “thoải mái”)	30,3
III	Nhóm hộ có mức sống trung bình (Còn gọi là “tạm đủ”)	49,3
IV	Nhóm hộ có mức sống trung bình kém (Còn gọi “chật vật”)	11,9
V	Nhóm hộ có mức sống kém: thấp nhất (Còn gọi là “nghèo” hay “thiếu thốn” nhóm “đáy”)	4,0

Quan sát hình dáng tháp phân tầng, có thể nhận thấy những đặc trưng của một xã hội vừa ra khỏi cơ chế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu bao cấp điển hình. Tháp có hình "con quay" (hình thoi) với phần giữa thân phình rộng cho biết tỷ lệ còn khá cao các hộ gia đình có mức sống trung bình, đồng đều nhau như là sản phẩm của chủ nghĩa bình quân thời bao cấp. Đỉnh và đáy tháp (tỷ lệ hộ có mức sống giàu và nghèo) còn hẹp, phản ánh mức độ phân hóa giàu - nghèo còn ở giai đoạn đầu. Tổng cộng có 84% các hộ gia đình có mức sống từ trung bình trở lên (hình dụng cụ thể về mỗi mức sống được cho ở các bảng số liệu về nhà ở, tiện nghi, thu nhập và chi tiêu dưới đây). Tuy nhiên, từ hình dáng tháp phân tầng cũng như từ các chỉ báo cụ thể về mức sống có thể nhận thấy là: trong trường hợp của Hà Nội, từ sự thay đổi diện mạo bề ngoài của thành phố (sự sầm uất của phố phường, phong phú hàng hóa, chủng loại tiện nghi sinh hoạt, v.v...) đến những thay đổi kết cấu giai tầng xã hội bên trong còn cần phải có nhiều thời gian. Năm năm khởi đầu của Đổi mới thực sự chỉ là một sự khởi động, là một thời kỳ "thai nghén" khi mà chưa hình thành rạch ròi các giai tầng đặc trưng cho xã hội dựa trên kinh tế thị trường. Hơn nữa, cần nhớ là khi bước vào thời kỳ Đổi mới, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và mức sống của dân cư Việt Nam, của Hà Nội nói riêng còn rất thấp.

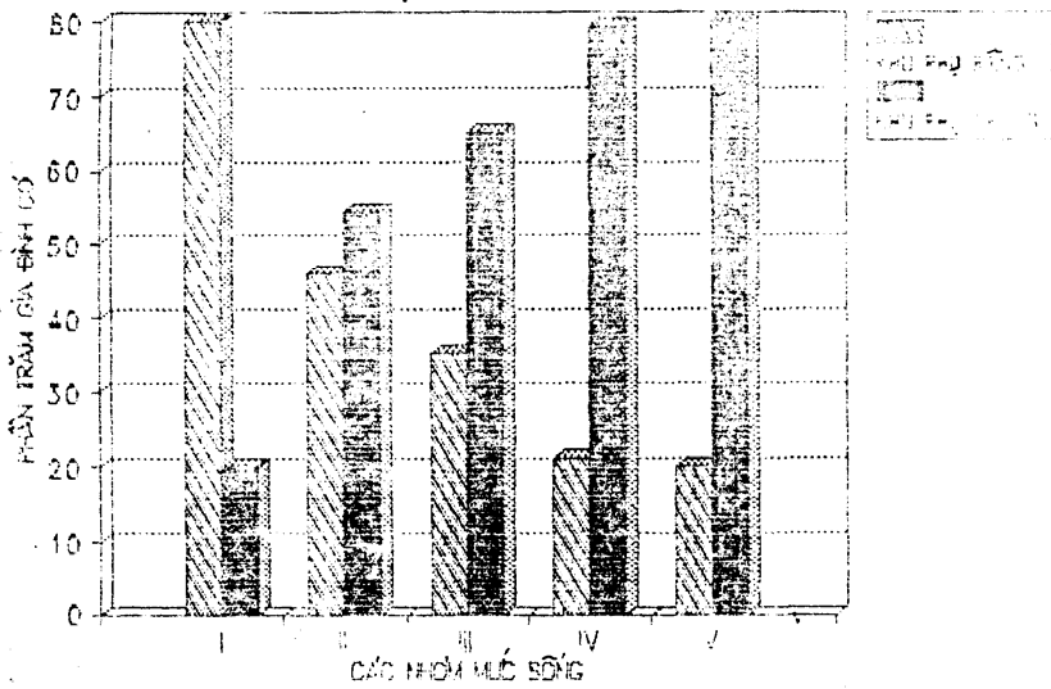
Hình 1. Tháp phân tầng theo mức sống



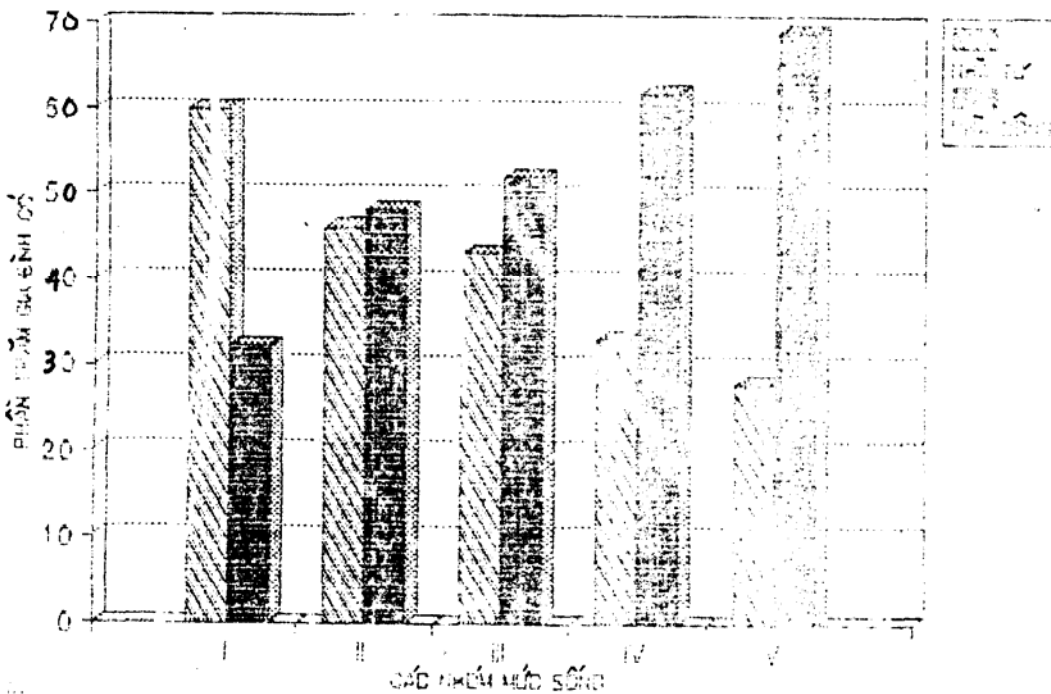
Bảng 2. Điều kiện nhà ở của các nhóm mức sống

Chỉ báo	Mức sống	Số hữu % nhà riêng % nhà công	Diện tích nhà ở (m ²) M	Diện tích bình quân (m ²) M	Số phòng ở (tỷ lệ số phòng)	Loại căn hộ		Loại hố xí		Nhà tắm		Có cải tạo khu phụ 5 năm qua (%)
						% khép kín % khu phụ chung	% biệt % xóm	ốp gạch men	vòi hoa sen			
I		60/32	50	10	1/2 (2 phòng) 1/2 (3-5 phòng)	80/20	83/17	91	71	40		
II		46/48	30	6,5	1/3 (1 phòng) 1/2 (2-3 phòng)	46/54	49/51	60	28	20		
III		43/52	25	5	1/2 (1 phòng) 1/3 (2 phòng)	35/65	16/84	31	5	12		
IV		33/62	20	4	2/3 (1 phòng) 1/3 (2 phòng)	21/79	6/94	10				
V		28/69	10	2,5	4/5 (1 phòng) 1/5 (2 phòng)	20/80						

Hình 2. ĐIỀU KIỆN NHÀ Ở
GIỮA CÁC NHÓM MỨC SỐNG



Hình 3. SỞ HỮU NHÀ
Ở CÁC NHÓM MỨC SỐNG



2.3. Đặc trưng và khác biệt của các nhóm mức sống.

2.3.1. Trước hết, có thể nhận thấy những nét đặc trưng của mỗi nhóm cũng như sự khác biệt giữa các nhóm mức sống trong *điều kiện nhà ở*, đặc biệt giữa nhóm đỉnh và nhóm đáy của tháp phân tầng.

Về sở hữu nhà, chẳng hạn, 60% các hộ giàu có sống trong nhà tư, trong đó, hơn 1/2 là nhà do ông bà, cha mẹ để lại. Hơn 1/3 còn lại sống trong nhà "bao cấp". Trong khi đó, chỉ có 28% các hộ nghèo sống trong nhà tư, 69% sống trong nhà "bao cấp".

Theo diện tích nhà ở và diện tích ở bình quân đầu người, sử dụng tham số thống kê Median (M) thì hệ số chênh lệch giữa các nhóm mức sống là như sau:

Bảng 3 – Hệ số chênh lệch giữa các nhóm mức sống.

Nhóm mức sống	I	II	III	IV	V
- Hệ số chênh lệch về diện tích nhà ở	2,50	1,25	M = 1	0,80	0,40
- Hệ số chênh lệch về diện tích bình quân đầu người	2,00	1,30	M = 1	0,80	0,50

Mức chênh lệch giữa nhóm đỉnh và nhóm đáy là 4 lần về diện tích nhà ở và 5 lần về diện tích bình quân. Những khác biệt còn mạnh hơn khi so sánh mức độ trang bị của khu phụ trong nhà ở. Ở đây, phản ánh không chỉ năng lực kinh tế mà cả phong cách sống, phong cách tiêu dùng của các nhóm gia đình khác nhau (xem bảng 2, 3 và các hình 2, 3, 4)

Cũng trong lĩnh vực nhà ở, với sự hoạt động của cơ chế thị trường, quá trình đô thị hóa đã bắt đầu công việc "tổ chức lại địa lý học xã hội" các đô thị. Giá nhà và đất ở các khu trung tâm tăng nhanh. Nhiều hộ gia đình nghèo ở trung tâm đang có xu hướng bán, nhượng, đổi nhà tư hoặc quyền sử dụng nhà công để lấy một khoản tiền lớn và chuyển ra các khu vực xa trung tâm hơn. Còn những người giàu có, muốn phát triển kinh doanh, buôn bán, dịch vụ thì tìm cách vào sống ở trung tâm. Xu hướng này sẽ còn được tăng cường cùng với quá trình chuyển nền kinh tế sang cơ chế thị trường và quá trình đô thị hóa. Các chính sách về nhà ở, đất đai đô thị, vì thế cần phải đón trước xu hướng mang tính quy luật này.

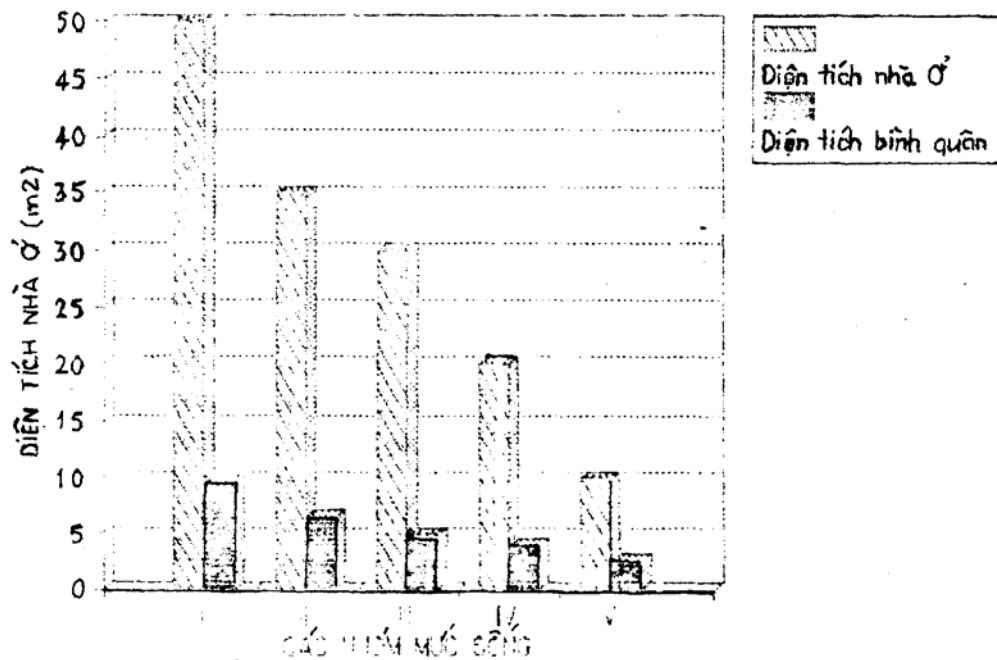
2.3.2. Về chỉ báo tiện nghi sinh hoạt

Qua 5 năm đổi mới, người Hà Nội đã có thể làm quen với nhiều loại tiện nghi sinh hoạt vốn phổ biến trong đời sống đô thị trên thế giới: ti vi màu, vi deo, tủ lạnh, xe máy, máy giặt, điện thoại, máy điều hòa... Đây cũng là dấu hiệu thường được dẫn ra để chứng minh cho mức sống được nâng cao. Còn sự hiện diện và cách phân bố các tiện nghi này trong các nhóm gia đình được xem là 1 chỉ báo quan trọng của sự khác biệt trong mức sống. Các số liệu trên bảng 4 cho thấy những nấc thang tương ứng với 5 nhóm mức sống về mức sử dụng các tiện nghi sinh hoạt phổ biến. Về số loại tiện nghi, theo chiều tăng của mức sống là dãy số tăng 2-4-8-10-12 số loại tiện nghi có trong gia đình. Tỷ lệ % có các tiện nghi này được mô tả trên sơ đồ bằng 5 đường gấp khúc không giao nhau với cao độ từ thấp đến cao. Các hộ giàu không chỉ quen thuộc với hầu hết các tiện nghi "hợp mốt" và đắt tiền mà còn có tỷ lệ % cao nhất sử dụng chúng. Các hộ nghèo chỉ có 2 loại tiện nghi chính với tỷ lệ sử dụng thấp là ti vi đen trắng (34,4%) và Radio cassette (12,5%). (Xem thêm hình 5)

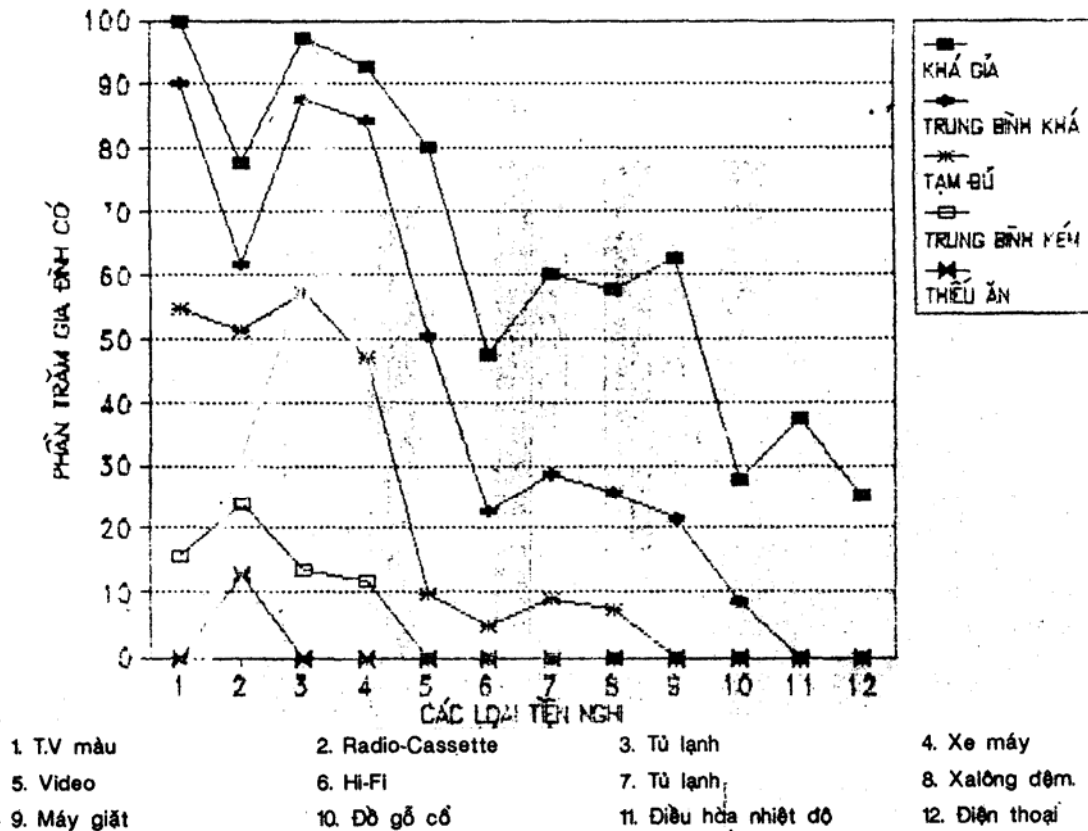
Bảng 4- Tiện nghi gia đình của các nhóm mức sống (% có các tiện nghi)

Tiện nghi Mức sống	Tivi màu	Tivi đen trắng	Radio cassette	Tủ lạnh	Xe máy	Video	Dàn âm thanh	Tủ tủng	Xalông đệm	Máy giặt cố	Đồ gỗ cổ	Điện thoại	Điều hòa nhiệt độ	Số loại tiện nghi có trên tổng số
	1	1a	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	100,0		77,5	97,5	60,1(1) 25,0(2) 7,5(3)	92,5 80,0	47,5	60,0	57,5	62,5	27,5	37,5	25,0	12/12
II	90,1	8,2	61,7	87,7	84,4 74,1(1) 9,9(2)	50,2	22,6	28,8	25,5	21,4	8,6			10/12
III	54,6	30,6	51,1	57,1	46,9 45,4(1) 1,5(2)	9,8	4,8	9,0	7,0					8/12
IV	15,8	47,4	24,2	13,7	11,6									4/12
V		34,4	12,5											2/12
Tính chung	61,1	24,5	50,9	61,2	54,5	24,4	11,9	16,4	14,1	11,0	5,9	3,2	2,1	

Hình 4. DIỆN TÍCH NHÀ Ở THUỘC CÁC MỨC SỐNG



Hình 5. CÁC LOẠI TIỆN NGHỊ GIA ĐÌNH GIỮA CÁC NHÓM MỨC SỐNG



2.3.3. Chỉ báo thu nhập

Theo cơ cấu các nguồn thu nhập, các gia đình Hà Nội hiện có 4 loại nguồn thu nhập chính như sau:

- | | |
|---|-------|
| 1. Chỉ có tiền lương và các khoản phụ trợ cấp trong khu vực quốc doanh, | 17,5% |
| 2. Lương và các khoản thu nhập từ các công việc phụ, làm thêm | 35,3% |
| 3. Lương và thu nhập từ hoạt động sản xuất, buôn bán, kinh doanh ngoài quốc doanh | 32,5% |
| 4. Chỉ có thu nhập từ hoạt động sản xuất, buôn bán, kinh doanh ngoài quốc doanh. | 14,7% |

Theo trật tự từ 1-4, có thể hình dung đây là các nấc thang trên con đường thoát ly dần cơ chế bao cấp, kinh tế nhà nước để đến với kinh tế thị trường mà trước mắt là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.

Nếu nhóm gộp 4 loại nguồn thu nhập trên thành 2 phần: (1 + 2) và (3 + 4) thì có 2 tỷ lệ gần ngang nhau 52,8% và 47,2% thể hiện sự cân bằng tương đối giữa 2 khu vực kinh tế nhà nước và thị trường trong giai đoạn hiện nay. Có thể dự báo rằng, cho tới năm 2000, tương quan này sẽ ngã nhiều về phần thứ 2 với tỷ lệ, chẳng hạn 1 : 2 hoặc 1 : 3 phụ thuộc vào xu thế tư nhân hóa trong cơ cấu kinh tế và sự cải tổ bộ máy quản lý.

Ngoài con số trung bình về thu nhập tuyệt đối trên bảng 5, có thể thấy độ chênh lệch về thu nhập (tính theo Median) giữa các nhóm mức sống là như sau:

Bảng 4. Độ chênh lệch và thu nhập giữa các nhóm mức sống.

Nhóm mức sống	I	II	III	IV	V
Hệ số chênh lệch về tổng thu nhập hàng tháng của gia đình	2,50	1,87	M = 1	0,62	0,50
Hệ số chênh lệch về thu nhập bình quân đầu người	3,00	1,50	M = 1	0,60	0,40

Mức chênh lệch giữa nhóm đỉnh và nhóm đáy là 5 lần về tổng thu nhập của gia đình hàng tháng và 7,5 lần về thu nhập bình quân đầu người.

Tuy nhiên các con số và tỷ lệ vừa nêu trên chỉ phản ánh bước đầu của sự phân tầng theo mức sống trong dân cư Hà Nội hiện nay. Vượt ra khỏi sự so sánh cục bộ này và nhìn ra thế giới sẽ thấy một sự thật là: dù đã có sự gia tăng đáng kể, mức sống của người dân thành phố hiện nay vẫn chưa vượt quá ngưỡng nghèo khổ của các nước đang phát triển. Chẳng hạn, nếu quy đổi một cách gần đúng thu nhập của các gia đình trên bảng 5 ra thu nhập hàng năm bằng đơn vị USD sẽ có các ước lượng sau:

Các hộ "giàu": trên 12 triệu đồng/năm \approx 1.000 USD

Các hộ "nghèo": 2,4 triệu đồng/năm \approx 200 USD.

Chênh lệch 5 lần với số tuyệt đối 900 USD/năm.

Nếu hòa chung vào thu nhập của số lượng chiếm ưu thế các hộ gia đình nông thôn (chiếm 80% dân số cả nước), nơi mà mức sống còn thấp hơn nhiều lần so với đô thị thì con số thu nhập trong năm của hộ gia đình và theo đầu người sẽ rất gần với các con số thống kê quốc gia.

Bảng 6. Một số yếu tố về thu nhập của các nhóm Mức sống

Mức sống	Chỉ báo	Thu nhập hàng tháng của gia đình (ngàn đồng)	Thu nhập bình quân (ngàn đồng/ người)	Tình hình thu nhập % ổn định		Số người trung bình có thu nhập trong gia đình (người)	Tỷ lệ hộ có người không có thu nhập (%)	Cơ cấu nguồn thu nhập(%)			
				% không ổn định	% được hỏi			Vô (chồng)	Lương	Lương + Làm thêm	Lương + sản xuất K,doanh
I	> 1 triệu	> 400	83/15	75/20	2,42	10,0	22,5	12,5	32,5	32,5	
II	750	150	84/15	79/13	2,38	10,7	14,0	33,3	40,3	12,3	
III	400 (M)	100(M)	76/21	71/18	2,32	14,8	18,8	39,3	27,8	14,0	
IV	250	60	59/34	60/25	2,18	27,1	17,9	36,8	32,6	12,6	
V	< 200	40	50/46	31/37	1,84	31,2	19,4	22,6	33,3	25,8	
Tính chung	400 (M)	100 (M)	76/22	71/18	2,31	15,5	17,5	35,3	32,5	14,7	

**Bảng 7. Trật tự các ưu tiên chi tiêu và mức sống gia đình
(tỷ lệ % theo thứ tự từ cao đến thấp)**

Mức sống	Trật tự các ưu tiên chi tiêu						
	1. Ăn	2. Học của con	3. Sản xuất kinh doanh	4. Nhà ở	5. Mua sắm tiện nghi	6. Mua tiện nghi văn hóa	7. Đi du lịch
I	62,5	50,0	47,5	25,0	22,5	2,5	12,5
	1. Ăn	2. Học của con	3. Sản xuất kinh doanh	4. Nhà ở	5. Mua sắm tiện nghi	6. Mua tiện nghi văn hóa	7. Đi du lịch
	67,6	71,8	28,2	24,5	17,4	12,0	7,9
II	82,0	65,5	28,2	11,9	3,3	5,4	0,0
	1. Ăn	2. Học của con	3. Nhà ở	4. Sản xuất kinh doanh	5. Mua sắm tiện nghi	6. Mua tiện nghi văn hóa	7. Đi du lịch
	84,8	64,1	18,5	11,9	3,3	5,4	0,0
IV	96,9	43,6	15,6	9,4	9,4	3,1	0,0
	1. Ăn	2. Học của con	3. Nhà ở	4. Mua sắm tiện nghi	5. Mua sắm tiện nghi văn hóa	6. Sản xuất kinh doanh	7. Đi du lịch
	96,9	43,6	15,6	9,4	9,4	3,1	0,0

2.3.4. Bổ sung cho nhận định trên là số liệu về chi tiêu, đặc biệt là trật tự ưu tiên chi tiêu trong các nhóm gia đình hiện nay. Kết quả cuộc khảo sát cho thấy, người dân thành phố, trừ một bộ phận nhỏ (5%) có mức sống cao, còn đại đa số các gia đình vẫn chưa giải quyết xong 3 nhu cầu cơ bản ở mức tối thiểu là: ăn, ở và học hành của con cái. Trong số 3 nhu cầu này, 90% các gia đình nêu nhu cầu "ăn" như là ưu tiên số 1 trong chi tiêu. Chi tiêu cho việc học hành của con cái được 63,9% gia đình xem là ưu tiên thứ 2. Và thứ 3, là chi cho nhu cầu cải thiện điều kiện ở (xem bảng số 6 và 7). Một survey quốc tế năm 1991 trên 50 thành phố của thế giới trong đó thành phố Hồ Chí Minh là 1 đơn vị của mẫu cho thấy: Người dân thành phố Hồ Chí Minh đã giành 85% thu nhập hàng tháng để chi cho nhu cầu ăn uống hàng ngày - đó là tỷ lệ cao kỷ lục trong số 50 thành phố được khảo sát. Tất cả những điều đó cho thấy một mức sống còn quá thấp so với thế giới, một cơ cấu chi tiêu trong ngân sách gia đình còn bất hợp lý do chỗ chưa vượt qua ngưỡng nghèo khổ và do cơ chế thị trường chưa thực sự hoạt động đầy đủ trong giai đoạn hiện nay. Quả thực là con đường phát triển đi lên theo cơ chế thị trường và sự mong muốn về công bằng xã hội vẫn là một thách đố và còn phải trải qua nhiều khó khăn để tìm các giải pháp hiện thực.

3. Sự phân hóa giàu - nghèo: phản ứng của dân cư

Phát triển kinh tế thị trường tất yếu dẫn đến phân hóa, phân cực giàu nghèo. Quy luật khắc nghiệt đó khó ai phủ nhận.

Với người dân thành phố Hà Nội, kết quả khảo sát cho thấy, phản ứng của các gia đình trước hiện tượng này là khá bình tĩnh và xem ra đúng mực. 3/4 các gia đình xem sự phân hóa giàu - nghèo hiện nay là điều bình thường. 12,7% cho là bất bình thường và 10% tỏ thái độ lưỡng lự hoặc không biết, hoặc khó trả lời. Như vậy là nhận thức của dân cư đã có sự chuyển biến khá nhanh chóng trước những thay đổi do quá trình đổi mới mang lại.

Đương nhiên, người giàu và người nghèo sẽ có phản ứng khác nhau. 95% các hộ giàu xem hiện tượng phân hóa giàu - nghèo hiện nay là bình thường, trong khi đó ở nhóm hộ nghèo, tỷ lệ này là 56,3%. Còn trong các nhóm xã hội nghề nghiệp hoặc văn hóa người ta quan niệm về vấn đề này không khác nhau nhiều lắm với xu thế 3/4 chấp nhận, 1/4 thấy có điều không ổn. Nổi lên nhóm các gia đình có học vấn cao với tỷ lệ chấp nhận cao hơn (82%) và nhóm người già, người về hưu có tỷ lệ không chấp nhận cao (21,7%) và dứt khoát hơn, không có sự lưỡng lự.

Trong số những người không chấp nhận hiện trạng này có gần 6% chấp nhận quy luật chung song xem hiện tượng phân hóa giàu nghèo hiện nay là không bình thường với lý do: có nhiều người giàu lên phi pháp bằng tham nhũng và buôn lậu. Một bộ phận nhỏ còn xem đó là một sự bất công xã hội trong điều kiện hiện nay. Như vậy ở đây ta có nhiều màu sắc ý kiến cho một vấn đề hiện thực phát sinh từ sự chuyển đổi cơ chế trong tiến trình Đổi mới.

4. Một loạt các con số, tỷ lệ từ kết quả khảo sát cũng chỉ ra rằng. ở một đô thị như Hà Nội, Đổi mới đang có được một *cơ sở xã hội khá ổn định* và một sự *đồng tình xã hội* (Social Consensus) *khá cao để tiếp tục đi lên*. Cơ sở và sự đồng tình này thường chiếm tỷ lệ 3/4 dân cư và được phản ánh trong rất nhiều chỉ báo. Tuy nhiên, sự phát triển tiếp tục của Đổi mới có thể sẽ không còn đơn thuần duy trì và bảo toàn các tỷ lệ đó, khi mà chiều hướng và mức độ phân tầng xã hội ngày một gia tăng. Đặc biệt trong điều kiện của xã hội Việt Nam, trong đó có thành phố thủ đô, từ một quá khứ không xa, chúng ta vẫn cố gắng tìm mọi cách để bảo đảm cho cả sự tăng trưởng kinh tế lẫn công bằng xã hội được

song hành. Giờ đây, quan niệm về vấn đề này chắc chắn cần phải được xem xét và điều chỉnh lại. Giới hạn của sự điều chỉnh là ở đâu để có thể phát triển kinh tế nhanh chóng trong sự ổn định xã hội? Như một song đề, đây cũng là một *bài toán quy hoạch* mà Nhà nước thông qua các chính sách kinh tế - xã hội cụ thể phải có nhiệm vụ tìm ra lời giải tối ưu.



Trao đổi về vấn đề đô thị hóa với các học giả Canada
tại Trường Đại học British Columbia, Vancouver, Canada